

# Đôi điều về chùa xứ Nghệ

NINH VIẾT GIAO<sup>(\*)</sup>

## I. MỞ ĐẦU

Xứ Nghệ trước đây có rất nhiều chùa. Chẳng hạn, theo *Công báo kinh tế Đông Dương*, số ra tháng 11 năm 1930, huyện Quỳnh Lưu có 4 tổng gồm 78 làng có triện lí trưởng thì đã có đến 72 ngôi chùa. Trong số 78 làng ấy, có đến 10 làng Công giáo toàn tòng, chắc chắn không có chùa. Nói thế không phải trong 68 làng còn lại, làng nào cũng có chùa. Có làng không có chùa, có làng có đến 3 chùa.

Từ con số ấy mà suy ra xứ Nghệ trước Cách mạng Tháng Tám có không biết bao nhiêu là chùa. Điều này cũng dễ hiểu bởi mãi đến đầu thế kỉ XV, sau chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, thiết lập vương triều nhà Lê, bỏ hẳn chế độ đại điền trang, thực hiện chế độ quân điền, Nho giáo mới ảnh hưởng đến khu vực Nghệ Tĩnh. Còn trước đó, cố nhiên, ngoài tín ngưỡng tổ tiên, tín ngưỡng thành hoàng, Phật giáo được độc tôn.

Chùa chiền có mặt trên đất Nghệ từ thời Bắc thuộc, song vào thế kỉ nào, năm nào thì chúng tôi chưa rõ. Cũng tại Quỳnh Lưu, chúng tôi được nhân dân cho biết, ở đây có những chùa cổ từ thời Bắc thuộc như chùa Trả ở Quỳnh Di, chùa Bình An ở Quỳnh Thiện, chùa Đồng Bạc ở Quỳnh Vinh, chùa Kim Lung ở Mai Hùng, chùa Lão ở Quỳnh Trang, chùa Bà,

chùa Cư, chùa Nổ ở Quỳnh Lập, chùa Am ở Quỳnh Hoa, chùa Luốc ở Quỳnh Văn, chùa Sưởi ở Quỳnh Châu, v.v... Tại Diễn Châu, chúng tôi được biết có chùa cổ từ thời Bắc thuộc như chùa như chùa Đổng, chùa Đam ở Diễn Đoài, chùa Lăng, chùa Cồn Sim ở Diễn Lâm. Tại Yên Thành cũng vậy, có chùa Tháp ở Đức Hậu, chùa Ná ở Đồng Thành, chùa Lụt ở Mã Thành. Đáng tiếc là các chùa cổ ấy hiện nay không còn chùa nào.

Đầu thế kỉ X khi nước ta lập được nền tự chủ, vào đời Lý tại Đô Lương có chùa Già ở xã Đà Sơn, chùa Vườn ở thị trấn Đô Lương, v.v... Vùng này thời đó chắc là sùng Phật giáo nên có những làng mang tên có gắn với chữ nghĩa nhà Phật như Đà Lam, Phật Kệ, Bụt Đàn (nay thuộc xã Đà Sơn), rồi núi Già, chợ Già. Vùng các xã Hồng Thành, Phú Thành ở Yên Thành có các làng Tường Lai, Lạc Thiên, Tiên Bông, Thanh Đạt, Triều Cảnh, Phúc Trạch, Đại Độ, Tích Phúc, Phúc Tăng với những chùa mang tên làng.

Nhiều chùa như thế, nhiều địa danh mang dấu ấn Phật như thế, song qua thư tịch, không thấy một kiểu chùa nào nổi tiếng như chùa Keo ở Thái Bình, chùa Tây Phương ở Hà Tây, chùa Đậu, chùa Bút Tháp ở Thuận Thành (Bắc Ninh),

\*. Nhà nghiên cứu, Nghệ An.

chùa Phổ Minh ở Nam Định.

Bài này bước đầu đề cập đến một số chùa từ đời Lý đến đời Nguyễn để bạn đọc thấy toàn cảnh chùa chiền ở xứ Nghệ, với kiến trúc, bài trí, và người xứ Nghệ với tấm lòng công đức đã bỏ tiền, bỏ của xây dựng, trùng tu chùa. Bài viết cũng giới thiệu đời sống tín ngưỡng của người dân nơi đây.

## II. CHÙA NHẠN THÁP

Ở Nghệ An có 2 làng mang tên Nhạn Tháp, một ở xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, một ở xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành. Chưa rõ làng Nhạn Tháp ở Vĩnh Thành có chùa hay không. Trước khi đề cập đến các chùa xứ Nghệ, xin giới thiệu ngôi chùa ở xã Hồng Long, Nam Đàn. Đó là chùa Nhạn Tháp trên núi Nhạn có tên là Nhạn Sơn tự. Sách vở nói đến chùa Nhạn thì ít, nói đến một cái tháp cũng gọi là tháp Nhạn hay gọi là Nhạn Tháp xây ở đó thì nhiều.

Cả chùa Nhạn và tháp Nhạn đều xây trên một quả núi, thực chất là một quả đồi không cao lắm tại thôn Tháp Bàn, xã Nhạn Tháp cũ (nay là xã Hồng Long). Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* (bản viết thời Tự Đức) thì “Nhạn Tháp xưa tên là Chung Tháp, nằm trên một núi đất rộng chừng 10 mẫu. Ngọn tháp đã đổ, nay chỉ còn một nửa. Dưới chân tháp ngổn ngang những viên gạch cổ, có khắc chữ “Trinh Quán lục niên”. Chùa Nhạn Sơn (núi hình con chim nhạn) cũng trong khuôn viên này”.

Vì có viên gạch khắc chữ “Trinh Quán lục niên” tức niên hiệu Trinh Quán (627 - 650) đời vua Đường Thái Tông năm thứ 6 (633), nên có người dự đoán tháp này do Cao Biền xây dựng. Điều này chưa thật

thuyết phục bởi Cao Biền sống vào thời Văn Đường. Theo tài liệu khảo tả của trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội thì những viên gạch xây tháp phần lớn được chạm trổ, có viên chạm hoa sen, có viên chạm con vật thiêng như rồng, phượng, nghê... có viên chạm một, có viên chạm ba Phật Bà ngồi trên toà sen, có viên lại khắc niên đại xây dựng. Cỡ gạch không đều nhau, có viên bằng viên gạch thường như chúng ta thấy ngày nay, có viên to gấp 7, 8 lần. Viên nào cũng dày, thường từ 8 đến 10cm. Độ nung cũng không đều. Có viên quá lửa, có viên còn sống.

Theo cấu trúc và cách xây dựng tháp thì có lẽ niên đại khắc trong một số viên gạch cũng là niên đại xây dựng tháp và xây dựng chùa. Vì rằng tháp được xây dựng lên từ gạch sống. Người ta xây tháp lên, chạm trổ xong mới chất củi nung toàn bộ ngôi tháp một lúc. Qua điều tra tại chỗ và qua khai quật gần đây, chúng tôi còn thấy nhiều viên gạch dính liền với nhau bằng chất phen-bát. Chất phen-bát tự nó tiết ra trong quá trình nung gạch để làm chất kết dính. Đó là kiểu nung các tháp Chămpa cổ đại ở Bình Định, ở Mỹ Sơn(?).

Các tháp này và nhiều tháp khác ở miền Nam Trung Bộ được xây dựng và nung như vậy vào thế kỉ VII và VIII, nên chúng tôi cho rằng Tháp Nhạn và cả chùa Nhạn (nay đều không còn) có thể ra đời vào thời gian này, thời gian nước ta thuộc Đường.

Tháp Nhạn cao 12 tầng, cũng qua lời mô tả của các phụ lão, một số người cho rằng Tháp Nhạn giống tháp Bình Sơn ở Lập Thạch (Vĩnh Phú) ra đời vào thời Trần, nên họ cũng cho rằng Nhạn Tháp được xây dựng vào cuối thế kỉ XIV.

Lần khai quật gần đây của viện Khảo cổ học và Bảo tàng Tổng hợp Nghệ Tĩnh lại cho chúng ta biết hình khối của tháp to cao hơn tháp Bình Sơn và đây là một mộ táng rất công phu. Xá lị đựng trong một hộp nhỏ bằng kim khí quý, hộp này đặt trong một đoạn gỗ samu lộng ruột, chôn đứng ngay dưới chân tháp khoảng 10 mét.

Tại Rú Tháp ở xã Hậu Thành, Yên Thành, tục truyền cũng có một ngọn tháp và ngôi chùa được xây vào đời Đường. Vì núi Tháp sát Quỳnh Lăng là trị sở của Châu Diễn vào thời nước ta thuộc Đường. Tại Phương Tích (Nghị Lộc) cũng có một chùa Tháp tương truyền được xây dựng vào đời Đường. Dân trong vùng thường gọi là tháp Cao Biên. Hai chùa tháp này nay đều không còn, nên không thể nghiên cứu.

### III. ĐIỂM MỘT SỐ CHÙA

Từ thế kỉ X cho đến thế kỉ XX, chúng tôi thấy có các chùa sau đây:

- **Chùa Già** ở xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, xây dựng từ thời Lý. Tể tướng Lý Đạo Thành khi bị biếm chức, vào làm Tri châu Nghệ An thay Lý Nhật Quang đã dựng chùa này gần nơi châu lị để thờ Phật. Ông đã đem cả bộ kinh Địa Tạng vào để ngày đêm tụng niệm, tu tĩn.

- **Chùa Bà Bụt** ở xã Bạch Ngọc chắc cũng đã được xây dựng vào đời Lý, nên mới có huyền thoại năm 1059, Lý Nhật Quang đi đánh giặc ở phía Tây về: “Gặp một bà Bụt, có 12 tay, cho giải đất này, huyết thực vạn đại”. Lý Nhật Quang sống vào đời Lý Thái Tông (1028 - 1054).

- **Chùa Yên Thái** ở Cự Việt với tấm bia cao 1,10m rộng 75cm có tên là *Cự Việt Yên Thái tự bi*, hiện còn tại làng Thanh Sơn, xã Sơn Hải, Quỳnh Lưu. Qua văn

bia được biết: Bia chùa có từ đời Lý Cao Tông (1176 - 1210), lúc đầu chùa lợp bằng tranh để thờ Phật, sau tu sửa dần. Bia có ghi yêu cầu của dân trong việc dựng chùa, nơi dựng chùa cùng cách thức làm chùa, các đời trùng tu và những người có hảo tâm tiến cúng.

Sang đời Trần thì có những chùa như sau:

- **Chùa Hương Tích** trên núi Hồng Lĩnh, được coi là “*Hoan Châu đệ nhất danh lam*”. Chùa được xây dựng vào thế kỉ XIII. Sách “*Thiên Lộc huyện phong thổ chí*” của Lưu Công Đạo viết năm 1811 đời Gia Long, mô tả chùa Hương Tích ở núi Hồng Lĩnh như sau: “Trên đỉnh núi có bức thành đá, bên thành có 99 cái nền, nền nào cũng được ghép bằng đá mài, dẻo trơn phẳng gọi là nền Trang Vương. ở trước cổng thành có 2 cây thông đứng đối xứng nhau, cây nào cũng to lớn đến năm, sáu sải tay ôm, vỏ cây xanh đen, rắn chắc như vỏ sắt, trông như vách đá cổ ... Dưới chân thành chừng sáu, bảy chục thước có am đá trắng ngoảnh ra phía đông, hai bên tả hữu vách đá dựng đứng, bên trên có tảng đá che phủ, đứng ngoài nhìn vào thấy như động sâu, có nơi uốn lượn như hàm rồng. Người ta lấy gạch đá xây tiếp thành cái am. Trong am đặt tượng Quan Âm, nộm đá tượng trưng cho Đồng Nam, tay cầm chùy đuổi quỷ, nộm gỗ Đồng Nữ, tay cầm kính chiếu yêu. Am này là am Thánh Mẫu ... Bên phải có chùa Phật. Bên phải chùa có dòng khe, nước vọt từ trong vách đá ra, quanh năm không cạn, nước khe ấy có máng dẫn ra bể nước trước chùa ... Bên trái chùa có đền thờ Đại vương núi Hồng (có sách chép là đền Thiên Vương), trong đền có tấm biển vua ban, chữ thiếp vàng. Phía dưới miếu là mấy nếp nhà ở và nhà bếp của các nhà sư

... Theo bậc đá đi lên, mỗi bước lại một cảnh sắc khác nhau, lên cao trông khắp 4 phương, đúng là nơi danh thắng của Châu Hoan ta ...”<sup>(1)</sup>.

Ở vùng này, chùa Chân Tiên ở xã Thịnh Lộc (Can Lộc) và chùa Thiên Tượng ở làng Bân Xá, sau đổi thành làng Quỳnh Lâm, nay thuộc xã Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh cũng được xây dựng vào thời Trần.

Tại huyện Yên Thành, nằm trong đất Diên Châu cũ đầu đời Trần, triều đình nhà Trần cho Tĩnh Quốc vương Trần Quốc Khang vào làm quản hạt. Ông đã tổ chức nhân dân khai thác đất đai lập ra nhiều vệ sở. *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “Thân vương triều Trần là Quốc Khang (anh ruột Trần Thái Tông), năm Kỷ Ty (1269) phong làm *Vọng Giang phiêu kì đại tướng quân*, được vào trấn thủ Diên Châu. Các con thứ của Quốc Khang là bọn Huệ Nghĩa và Huệ Trinh đều do mẹ là người Diên Châu sinh ra. Về sau chức Tri châu ở Diên Châu đều lấy con cháu Quốc Khang ra làm” (theo *Nghệ An kí*). Những năm Quốc Khang làm Tri châu, ông muốn tỏ rõ oai quyền và sự giàu có của mình, xây phủ đệ lộng lẫy quá mức ở làng Công Trung (Yên Thành). “Vua nghe tin, sai người đến xem. Tĩnh Quốc sợ, mới tô tượng Phật để thờ”<sup>(2)</sup>. Sách *Nghệ An kí* nói rõ thêm: Quốc Khang phải phá một phần phủ đệ, dựng chùa ở núi Thành, tô tượng Phật để thờ. Đó là chùa Thông. Như vậy ta biết chùa Thông ở núi Thành thuộc Phúc Tăng, sát làng Công Trung, được xây dựng vào thời Trần.

Có thể kể thêm một số chùa được xây dựng vào đời Trần như chùa Mụ Nghĩnh ở Trường Hậu (Quỳnh Lâm), chùa Đế

Thích, chùa Ốc ở Phú Nghĩa, chùa Nổ ở Hải Lệ (Quỳnh Lộc), chùa Cù ở Đông Hội, chùa Bà, chùa Ông ở Hữu Lập (Quỳnh Lập) thuộc huyện Quỳnh Lưu.

Đáng kể là chùa Càn ở làng Phương Càn nay là xã Quỳnh Phương. Chùa có liên quan đến sự tích Tứ Vị Thánh Nương hiện thờ ở đền Cờn. Như vậy ở Phương Càn trước năm 1311 đã có chùa. Rồi tại huyện Hưng Nguyên, có chùa An Quốc, sau đổi thành Yên Cư ở xã Nghĩa Liệt, nay là xã Hưng Lam vào đời Hậu Trần.

Qua đời Lê, nhất là đời Lê Sơ, chúng tôi thấy có chùa Diên Quang (chùa Am) ở xã Phụng Công, nay là xã Đức Hoà, huyện Đức Thọ, xây dựng từ đời Lê Thái Tổ (1428 - 1433) do Hoàng hậu Bạch Ngọc có tên là Trần Thị Ngọc Hào, một cung phi của Trần Duệ Tông. Sau Bình Ngô, bà xin lập 2 chùa: Tiên Lữ ở Mỹ Xuyên nay thuộc xã Đức Lạc và Diên Quang (chùa Am) ở phía nam núi Am Sơn, nay thuộc xã Đức Hòa, rồi về tu ở đó.

Từ đời Lê Sơ đến hết đời Lê Trung Hưng, qua văn bia, thấy có các chùa sau đây:

- Chùa Hiến Sơn ở xã Bùi Khổng nay là xã Hưng Trung, Hưng Nguyên, được Khê Quận công Đình Bạt Tụy cho xây dựng vào thế kỉ XVI.

- Chùa Bảo Quang ở làng Phú Điền, xã Khánh Sơn, nay là xã Hưng Phú được Hoa Quận công và vợ cúng tiến tu sửa, dựng bia. Qua bia biết chùa được trùng tu năm Hồng Định 15 (1614), xây dựng năm nào trước đó chưa rõ.

1. Theo Trần Văn Thành (chủ biên). *Di tích, danh thắng Hà Tĩnh*, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Tĩnh ấn hành.

2. Bùi Dương Lịch, Nguyễn Thị Thảo (dịch). *Nghệ An kí*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1993.

- Chùa Long Khánh ở làng Phúc Hậu, nay thuộc xã Hưng Xuân, Hưng Nguyên, xây dựng năm nào chưa rõ, được ông Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu giữ chức Giám cung môn và vợ cúng tiến để sửa chữa vào năm Hồng Định 13 (1612).

- Chùa Quang Phúc ở xã Lộc Điền nay thuộc xã Hưng Khánh được ông Nguyễn Duy Nước và nhiều người khác bỏ tiền đứng ra trùng tu vào năm Kỷ Hợi (1599). Chùa xây dựng trước đó năm nào chưa rõ.

- Chùa Viên Quang ở xã Thanh Thủy, Nam Đàn được Đinh thiện sĩ bỏ tiền ra xây dựng vào năm Đinh Mùi (1607).

- Chùa Vòng ở Lam Cầu, xã Quỳnh Thạch, Quỳnh Lưu, chưa rõ năm dựng chùa, song qua văn bia viết vào đời Tự Đức, thì chùa xây dựng trước đó đã lâu.

- Chùa Tĩnh Lâm ở núi Nghĩa Sơn, tại làng Đức Lâm, nay thuộc xã Thạch Lâm, Thạch Hà, được xây dựng vào năm 1631.

- Chùa Ngọc Đình ở xã Kim Liên, Nam Đàn, do Quang tiến thận lộc đại phu, Thái thường tự thiếu khanh, Văn Tuấn tử Nguyễn Hoàng bỏ tiền ra xây dựng năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1621).

- Chùa Lý Chân ở xã Thuần Trung, Đô Lương do Kính Vũ bá Nguyễn Văn Kính, bỏ tiền ra xây dựng vào năm Cảnh Hưng 23 (1762).

- Chùa Bảo Lâm ở xã Tràng Thành, nay thuộc Hoa Thành, do ông Phan Úc tu sửa vào đời Hậu Lê, sau lại được ông Phan Kim (hiệu sinh đời Lê) tiếp tục tu sửa.

- Chùa Phổ Am ở phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, do ông Nguyễn Văn Miên và bà Nguyễn Thị Trác có lòng công đức bỏ tiền ra xây dựng vào tháng 11 năm Vĩnh Thịnh thứ 6 (1716).

- Chùa Diệc ở thành phố Vinh có người nói xây dựng vào đời Nguyễn, nhưng theo văn bia hiện còn ở chùa Diệc, dựng vào năm Canh Ngọ (1870) thì chùa xây dựng cũng đã lâu: “Trước Nguyễn tướng công Đức Cửu đã lợp ngói thay tranh, sau Nguyễn tướng công Đăng Giai lại trùng tu đặt tên là chùa Diệc cổ (Diệc cổ tự)”.

Ngoài ra còn có các chùa như Phúc Long ở Vạn Phần (Diễn Châu), chùa Hoa Bảo ở Dương Liễu, chùa Bi ở Yên Lạc, chùa Múc ở Hồng Long, chùa Hương Lâm ở núi Đại Huệ (Nam Đàn), chùa Phúc Long ở Hưng Tây, chùa Am Hà ở Hưng Nhân, chùa Ngô (Phan thôn) ở xã Hưng Tân (Hưng Nguyên) và bao chùa khác nữa ở Nghi Lộc, Diễn Châu, Yên Thành, Thanh Chương, Đô Lương, Can Lộc, Nghi Xuân, Thạch Hà, v.v... chắc đã được xây dựng vào đời Trần hoặc Lê.

Ở miền núi cũng có chùa. Tại Tương Dương chúng tôi được nghe bà con kể lại tại xã Tam Thái có 3 chùa, một chùa ở bản Can (chùa chính), một chùa ở bản Nhãn và một chùa ở bản Lau. Một số xã khác cũng có chùa. Chùa làm theo kiểu nhà sàn, kiến trúc theo cách thức chùa bên Lào. Chùa ở bản Can, lúc đông nhất có đến 7 sư. Dân Thái vùng này, trước đây nhiều người nương bóng Phật. Nói nương bóng Phật, bởi đồng bào không phải là tín đồ của đạo Phật. Bà con thường đi chùa trong những ngày lễ Phật hoặc khi có lễ hội, như hội té nước, lễ hội Ngăn (?) hay Đọc Mạy.

Chùa xứ Nghệ hầu hết là chùa làng, toạ ở nhiều vị trí khác nhau. Có chùa làm trên núi như chùa Hương Tích làm trên núi Hồng Lĩnh, chùa Hương Lâm làm trên núi Đại Huệ, chùa Am Hà làm trên

núi Nghĩa Liệt, chùa Già làm trên núi Già ... Có chùa làm trên một bãi cồn rộng, có chùa làm ở khu đất nhưng tất cả đều ở rìa làng, bìa rừng, rệ, núi, mép sông... chùa nào cũng ở nơi thanh u, thoáng đãng, ít chùa làm ở giữa làng.

#### IV. CÁC LOẠI HÌNH CHÙA

Chùa ở xứ Nghệ có ba loại hình:

- Chùa Trần.
- Chùa Thiên tạo.
- Chùa Nhân tạo (được kiến thiết bằng tre tranh hay gạch ngói).

##### 1. Chùa Trần

Chùa Trần là chùa để trần, chùa lộ thiên, không có sườn nhà, cửa nhà với mái che. Gọi là chùa nhưng thường là một tảng đá vuông vức hay một bệ đá, bệ gạch xây tại gốc đa, cây đề, cây trôi hay trong một lùm cây. Chùa Trần làng Thuận Yên (Quỳnh Lưu), chùa Trần làng Phú Nghĩa Hạ (Quỳnh Lưu), chùa Trần các làng Thanh Hoà, Quảng Xá, Hạnh Lâm (Thanh Chương) nằm trong một hẻm núi. Một số chùa làm trên một bãi cồn hoặc giữa cánh đồng, như chùa Trần của làng Cát Ngạn tại rú Treo, như chùa Trần của làng Thanh Đà tại rú Sàng, như chùa Trần của làng Ngọc Chỉ, làng Thanh Đàm (Quỳnh Lưu) lại làm trên một cánh đồng cạnh bãi tha ma. Nhiều nơi gọi chùa Trần là chùa Bụt Mộc, vì ở đó có hòn đá mọc lên tựa như ông Bụt(?) hay có đặt tượng một ông Bụt bằng đá. Qua thời gian, một số làng xây tường, đặt tréch, làm mái cho chùa, song vẫn gọi là chùa Trần. Chùa Trần thường gần hoặc trên một bãi chăn thả trâu bò.

Tại chùa Trần này (Thanh Hoá gọi là chùa Con Nít), nhân dân xứ Nghệ chỉ đặt

một hay vài ba cái bát hương. Nhiều chùa có những bình vôi lớn nhỏ đã tịt lỗ đặt kín bệ thờ hay treo la liệt trên thân hay cành cây đa, cây đề, cây gạo bên cạnh, nên bà con gọi là chùa Ông Bình Vôi. Nhiều chùa còn có những ông đầu rau bằng đá hay bằng đất đặt la liệt quanh bệ thờ.

Sở dĩ đặt chùa Trần hay chùa Con Nít là vì trẻ mục đồng chăn trâu bò khi mùa gặt hái tới thường giao trâu bò cho một vài trẻ trông coi, còn đa số đi mót lúa. Được bao nhiêu, chúng dành lại, chờ khi mùa xuân sang, lúa tẻ bán đi mua thịt, lúa nếp xay giã làm xôi, định ngày tế lễ ăn uống với nhau rất vui vẻ.

Cúng chùa lẽ ra phải cúng Phật nhưng người ta lại cúng Thần Nông và Hậu Tắc, điều đó nói lên sự cầu mong được thần linh phù hộ cho mùa màng tốt tươi, nghề nông phát đạt. Nói là “con nít” cúng tại các chùa Trần, nhưng người lớn cũng tham gia việc làm cỗ, đóng oản xôi, sắp đặt, bày vẽ cách cúng cho các em.

##### 2) Chùa Thiên tạo

Chùa Thiên tạo tức chùa ở trong hang núi. Ở xứ Nghệ hang núi có nhiều nhưng thành chùa thì không nhiều. Ở Hương Sơn, Hương Khê, Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương đều có chùa Thiên tạo. Song đáng kể hơn cả là chùa Rồng ở Quỳnh Lưu.

Chùa Rồng, tên chữ là Long Sơn tự, nằm ở phía tây núi Long Sơn thuộc xã Nhân Lý cũ, nay thuộc xã Quỳnh Hồng. Mạch núi từ Trụ Hải chạy xuống đồng bằng. Vách đá cao dốc, hang sâu thẳm. Trong hang, đá xếp như bàn, cái cao cái thấp dần trông có vẻ ngay ngắn. Một số đột thạch, nhũ thạch trông như tượng

Phật. Dân địa phương đến thấp hương cúng Phật rất đông, không phải tô tạc, xây đắp gì cả, cho là do Trời tạo nên chùa này rất thiêng. Xưa kia trong chùa có chuông đồng, khánh đồng và khánh đá.

Phong cảnh chùa rất đẹp, lại gần đường thiên lí cũ, nên nhiều tao nhân mặc khách đến ngắm cảnh chùa, đã đối cảnh sinh tình, làm thơ đề trên vách chùa. Có thể kể đến những bài thơ của Bùi Huy Bích trong *Nhân Sơn phong thổ kí*; thơ của Lê Hữu Trác về chùa trong *Thượng kinh kí sự*. Ngoài ra Phan Huy Ích cũng có bài thơ nói về chùa Long Sơn.

### 3. Các chùa nhân tạo

Đây nói tới các chùa làm bằng tranh tre, gạch ngói. Như đã nói trên, xứ Nghệ có hàng trăm chùa. Vào thời Lý, Trần, Hồ, Lê phần lớn các chùa (theo văn bia) đều làm bằng tranh tre nửa mét (luồng) đến đời Hậu Lê và đời Nguyễn mới trùng tu hoặc xây dựng lại bằng gỗ quý và gạch ngói.

Nhưng giờ đây trong số những ngôi chùa cổ kính ở chốn thanh u với phong cảnh đẹp phải kể đến chùa Hương Tích ở núi Hồng Lĩnh, thuộc xã Thiên Lộc và chùa Chân Tiên ở núi Tiên An thuộc xã Thịnh Lộc, huyện Can Lộc. Cả 2 đều là danh lam thắng cảnh. Riêng chùa Hương Tích còn là một linh tự, nhiều người đến cầu tự tại am Thánh Mẫu có kết quả.

Vùng Xuân Hồ, Xuân Liễu có 4 ngôi chùa mang tên rất gợi trí tò mò là: chùa Ói (Hương Lâm Bắc tự), chùa Dạ (Hương Lâm Nam tự), chùa Hĩ và chùa Mừng. Tại sao lại có tên như vậy, chắc là có truyền thuyết gì đó? Chùa Mụ Nghênh ở xã Trường Hậu, Quỳnh Lưu cũng có bao huyền thoại.

Tang thương biến cuộc, thời gian trôi qua, tên chùa còn nhiều, song chùa phần lớn không còn. Trong số ít chùa hiện còn, đáng kể là:

a. *Chùa Phương ở Ngọc Lâm*: Còn có tên là chùa Yên Thái, thuộc đất Thanh Đường (Quỳnh Thuận) nay thuộc đất Quỳnh Long, Quỳnh Lưu. Chùa nằm rệ núi Phương, cạnh biển Đông.

b. *Chùa Vạn Lộc ở thị xã Cửa Lò*: Còn có tên là chùa Phổ Am, nằm ở địa bàn phường Nghi Tân. Chùa có 2 toà, thượng điện và tiền đường, giá chuông, tam quan và tường bao quanh.

c. *Chùa Cần Linh*: ở phía tây nam thành phố Vinh, trước đây thuộc địa phận làng Vang, tổng Yên Trường, huyện Hưng Nguyên, nay thuộc phường Cửa Nam, thành phố Vinh. Chùa Cần Linh trước đây nhỏ hẹp, giờ đây chùa đã có một quy mô rộng lớn, đẹp đẽ và hấp dẫn. Đó là kết quả của một quá trình cúng tiến của bao người có hảo tâm công đức, trước hết là vai trò của 2 nhà sư Thích Diệu Viên và Thích Diệu Niệm. Chùa Cần Linh đã được Bộ Văn hoá-Thông tin ra quyết định số 97 QĐ/BT ngày 21 - 01 - 1992 xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hoá cấp Quốc gia.

## V. KIẾN TRÚC CHÙA VÀ BÀI TRÍ TRONG CHÙA

Có thể kể thêm một số chùa còn lại như các chùa Nậm Sơn ở xã Vân Diên (Nam Đàn), chùa Hiến Sơn ở xã Hưng Trung (Hưng Nguyên), chùa Bảo Lâm ở xã Hoa Thành (Yên Thành), v.v... Nhưng nhìn chung kiến trúc các chùa còn lại cũng như kiến trúc các chùa không còn, song theo nhân dân địa phương mô tả cụ

thể thì phần lớn các chùa đều có 2 toà làm theo hình chữ nhị (=) hoặc theo kiểu chuôi vồ (⊥) hay kiểu chữ đinh (T), toà trong theo kiểu hình ống, toà ngoài là bãi đường; có chùa chỉ có 1 toà, có chùa không những có 2 toà mà còn có tả vu, hữu vu, không tả vu hữu vu thì nhà oản. Chùa thường làm theo kiểu tứ trụ, chùa 2 toà theo kiểu chuôi vồ thì toà trong thường chỉ có 2 vì với quá giang, trục, xà, kèo rồi gác lên tường gạch, xong đặt hoành tải, cầu phong. Toà ngoài thường 3 gian, cũng làm theo kiểu tứ trụ, xây tường bít đốc.

Chùa một toà thường làm theo kiểu một gian 2 hồi hoặc 3 gian tứ trụ xây tường bít đốc.

Một số chùa có đặt bàn thờ, còn thường là xây bệ thờ. Chùa lớn, toà trong thường xây 3 bệ liền nhau, bệ trong cao hơn bệ ngoài; hai gian bên thường xây mỗi gian 1 bệ, nếu không xây bệ thì đặt bàn thờ. Chùa làm kiểu chuôi vồ toà trong (toà chuôi vồ) chỉ xây 3 bệ, toà ngoài mới xây một số bệ nữa, tùy theo số tượng mà những người hảo tâm đã cúng tiến mà có cách thức đặt các pho tượng.

Chùa một gian cũng xây một số bệ thờ, gian giữa thường đặt 2 bệ, 2 gian hoặc 2 hồi đặt 2 bệ.

Sở dĩ tôi nói bệ thờ mà không nói bàn thờ vì các chùa xứ Nghệ trước đây bỏ ngỏ, không có cửa khoá then cài như các đền, nhà thánh. Vì chùa là nơi các Đức Phật ban phát rộng rãi lượng từ bi, phúc đức, sự an ủi, lòng vị tha... lẽ đâu lại kín cửa cao tường. Phải làm bệ thờ cho được vững bền, chắc chắn và tránh sự nghịch ngợm của trẻ nhỏ.

Trên các bệ thờ ấy, đặt tượng Phật theo một sự bài trí nhất định. Xưa kia

không rõ chùa xứ Nghệ, sự sắp đặt bài trí các tượng Phật như thế nào, song qua một số chùa và nghe các cụ kể lại, thì sự bài trí như sau:

1) Bệ cao nhất là tượng Tam Thế, tượng trưng cho ba đời: Quá khứ, Hiện tại và Vị lai.

2) Bệ thứ hai, bậc cao hơn là tượng Tam Tôn gồm Di Đà, Quan Âm, Thế Chí. Bậc thấp hơn thường đặt Hoa Nghiêm Tam thánh gồm: Thích Ca, Văn Thù, Phổ Hiền hoặc Tuyết Sơn, Ca Diếp, A Nan Đà.

3) Bệ thứ ba

Hàng trong đặt: Di Lạc, Pháp Hoa Lâm, Đại Điện Tường (cũng gọi là Tam Tôn).

Hàng giữa đặt: Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu.

Hàng ngoài đặt: Thích Ca sơ sinh, Phạm Thiên, Đế Thích. Tượng Quan Âm được đặt trong góc 2 bệ, Quan Âm nhiều tay bên trái, Quan Âm toạ Sơn bên phải.

Hai bên tượng là tượng hay hình vẽ Thập điện Diêm vương. Ngoài toà tiền đường có tượng Khuyến Thiện và tượng Trừng Ác to lớn, thường đắp bằng vôi vữa.

Bàn thờ Đức Ông đặt ở bệ bên trái. Bàn thờ Thánh Tăng đặt ở bệ bên phải. Hai bên hoặc ở nhà Tả vu, Hữu vu có đặt tượng Thập Bát La Hán. Chùa có nhà Hậu thường đặt tượng Hậu (người có công với chùa) và đặt bát hương những người trong làng qua đời, không có con nối dõi phụng thờ, đã hậu chùa một số ruộng đất hoặc tài sản để nhà chùa cúng lễ những ngày tết hoặc ngày giỗ. Ở nhà này cũng đặt tượng Tổ chùa, tức là những nhà sư đã trụ trì, tịch tại chùa và tượng mẫu



gồm Tam toà, Tứ phủ là Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thoải (thủy) và Mẫu Thượng Ngàn. Hệ thống mẫu còn nhiều tượng khác nhưng bài trí ở điện thờ mẫu riêng.

Trong bảy nhiều tượng, tượng Thích Ca, người sáng lập ra đạo Phật là trung tâm.

Trên là nói sự sắp đặt, bài trí các tượng Phật một cách đầy đủ ở những chùa lớn. Còn các chùa làng, với các dạng chùa như đã nói trên, có chùa có vài chục tượng Phật, có chùa dăm bảy tượng Phật, có chùa chỉ có một tượng Phật, thậm chí có chùa không có tượng nào. Chùa không có tượng thường là chùa tranh hay chùa tui làm bằng gạch ngói nhưng chỉ có một gian nhỏ, trên tường giữa bàn thờ treo mảnh vải đỏ, trong có chữ Phật thay cho tượng Phật,

Còn các đồ tế khí ở các chùa tại xứ Nghệ nói chung cũng sơ sài, ngoài bát hương thường chỉ có ống hương, mâm bồng hoặc mâm gỗ, khay gỗ để đặt oản chuối, hoa quả với cái giá keng nhỏ ...

Khuôn viên của chùa không rộng. Trong khuôn viên thường có các mô mả các sư đã trụ trì, có trồng cây lưu niên như cây đại, cây đa, cây đề, cây thông ... nhiều chùa không có khuôn viên.

## VI. AI XÂY DỰNG CHÙA?

Qua một số văn bia còn lại, chúng tôi thấy khá nhiều người ở Nghệ An đã bỏ tiền của ra xây dựng chùa, tu sửa chùa.

- Bia chùa Viên Quang ở xã Thanh Nam (Nam Đàn) nói : “Thời ấy có ... quan viên kiêm Tổng chánh người trong xã Thanh Thủy, tổng Nộn Liễu, tên là Đình, nhận chăm đắp nền hạnh phúc, mình bỏ của nhà trước, phổ cập cho người thiện

tín, cùng nhau chở bè công đức” xây dựng chùa (1607).

- Bia chùa Quang Phúc ở xã Hưng Khánh (Hưng Nguyên) viết: “Chùa Quang Phúc xã Lộc Điền là nơi đệ nhất danh lam... Nay có người bản xã là Nguyễn Duy Nước, Đại sĩ vệ úy tước Văn Hạnh nam, tự Phúc Khánh và các con là Nguyễn Duy Thuần, Nguyễn Duy Tri ... cùng người bản thôn là Trần Văn Bằng đứng ra trùng tu chùa”, (1599).

- Bia chùa Bảo Lâm ở xã Hạ Thành cũ nay là Hoa Thành (Yên Thành) cũng viết: “Phan Thị Đặng thôn Nam, vợ của ông người họ Phan thôn Đông xã Hạ Thành, tổng Quan Triều ... (tôi) luôn nhớ chùa Bảo Lâm vốn có nên cũ, nay 2 thôn tu sửa ... xin cúng dựng hai toà nhà trên nhà dưới ở chùa Bảo Lâm, 5 pho tượng Phật, hai toà ban bằng đá mài. Lại cúng thêm một mẫu ruộng tại xứ Đồng Lô, Rục Hồ, giao cho 2 thôn Nam, Bắc coi giữ để chi vào việc đón rước năm mới và làm lễ tam nguyên tại chùa” (1847).

Các bia chùa khác mà chúng tôi có trong tay cũng ghi như vậy, như bia chùa Yên Thái ở Cự Việt, bia chùa Long Khánh ở Phúc Hậu, bia quán Thiên Tôn ở làng Phú Điền, bia chùa Ngọc Đình, bia chùa Vạn Lộc, bia chùa Lý Châu, bia chùa Diệc...<sup>(3)</sup> đều nói do người cúng tiền để dựng chùa, tu sửa chùa, làm bia, đúc chuông, tạc tượng... (xem mục III)

## VII. NGƯỜI XỨ NGHỆ VỚI TÍN NGƯỠNG PHẬT GIÁO

Trong sách *Nghệ An kí*, Bùi Dương Lịch viết: “Người Nghệ An không tôn

3. Xem: Ninh Viết Giao (chủ biên). *Văn bia Nghệ An*, Nxb. Nghệ An, 2004.

sùng đạo Phật”. Xem sử chúng tôi thấy rằng, đời Lý, đạo Phật được độc tôn, coi như quốc giáo, đời Trần, Tam giáo (Phật, Lão, Nho) đồng tôn, từ Lê Sơ trở về sau, Nho giáo được độc tôn.

Nhưng vốn là dải đất ở phía cực nam của Tổ quốc khi nước ta biên giới chỉ mới đến đèo Ngang, nên thời Bắc thuộc, đó đây ở xứ Nghệ, một số làng có chùa, nhưng chỉ là truyền ngôn. Nước ta bước vào thời kì tự chủ, đời Lý qua sử sách và thần phả, gia phả mới thấy nói đến một số nơi có chùa (chùa Già, chùa Bà Bụt, chùa Yên Thái, v.v... mà chúng tôi đã đề cập); đời Trần, xuất hiện chùa nhiều hơn mà nổi tiếng là chùa Hương Tích trên núi Hồng Lĩnh. Từ Lê Sơ trở về sau, ở xứ Nghệ chùa xuất hiện ngày càng nhiều. Đời Nguyễn sùng Nho. Song vua và đình thần vẫn thỏa hiệp với Phật giáo, do đó nhân dân vẫn dựng chùa, vẫn đi chùa, chùa nào cũng có ít nhiều ruộng đất gọi là Phật điền hay tự điền, để chi phí vào việc hương khói, oản chuối. Nhưng ở xứ Nghệ, suốt trong quá trình lịch sử:

- Không có chùa lớn, chùa hạng 1, không có trung tâm Phật giáo.

- Do đó cũng không có những nhà tu hành, những nhà sư nổi tiếng.

Sách vở chỉ chép về Hương Hải thiên sư.

Tên ông là Tô Cầu, quê ở làng Áng Độ, huyện Châu Phúc, nay thuộc xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc. Tổ 4 đời là Trung Lộc hầu theo Nguyễn Hoàng vào Quảng Nam, giữ chức trông coi lính thợ. Năm 18 tuổi, Tô Cầu đỗ Hương cống, được bổ làm Tri huyện huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Năm 25 tuổi ông say mê nghiên cứu giáo lí nhà Phật, ba năm sau xuất gia tu hành ở núi Tiêm Bút La (Cù Lao Chàm)

tại Quảng Nam, lấy hiệu là Huyền Cơ Thiện Giao, Minh Châu Hương Hải. Đạo hạnh của ông được trong triều ngoài nội nhiều người cảm mộ. Chúa Nguyễn Phúc Chu lập thiên viện ở núi Quy Cảnh, sai người ra mời ông về đấy để giảng kinh. Chúa Hiền vương rất khâm phục ông, cho ông trụ trì chùa Thiên Tịnh núi Quy Kinh. Ít lâu sau bị dèm pha, ông bỏ ra Bắc. Vua Lê, chúa Trịnh đón tiếp ông trọng hậu, cho ông lập am trụ trì ở trấn Sơn Nam. Đến ngoài 85 tuổi, ông vẫn được vua Lê tỏ lòng ngưỡng mộ. Sinh năm 1628 mất năm 1715, ông để lại *Hương Hải thiên sư ngữ lục*, *Thuận Quảng nhị xứ thủy bộ trình bản đồ*. Đồng thời dịch và chú giải nhiều kinh Phật ra chữ Nôm.

Phật tử Việt Nam xem Hương Hải thiên sư là một trong những cây đại thụ của thiên phái Trúc Lâm Yên Tử.

Hiện nay quê ở Nghệ An cũng có một Hoà thượng, đó là Thích Minh Châu, tên thật là Đinh Văn Nam, quê ở làng Kim Khê nay thuộc xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc. Ông nghiên cứu đạo Phật ở Ấn Độ, tu hành tại Ấn Độ, về nước đã từng làm hiệu trưởng trường Đại học Phật giáo mang tên Vạn Hạnh ở thành phố Hồ Chí Minh. Ông vẫn tu hành và nghiên cứu Phật giáo.

Người xứ Nghệ dựng chùa cúng Phật chẳng rõ theo phái Đại thừa hay Tiểu thừa, có lẽ theo phái Đại thừa, tức Bắc tông, song khi lên chùa thắp hương cúng Phật hay đọc kinh niệm Phật, họ chỉ biết các đức Phật đều có lòng bác ái bao la, có đức hỉ xả từ bi, cứu khổ cứu nạn, phù hộ cho con người khoẻ mạnh hoặc tránh những điều tai ương bất hạnh. Họ cầu Phật để các điều ác lảng xa, điều lành

điều may luôn đến với họ, gia đình họ, con cháu họ. Họ đâu biết các thuyết lớn của nhà Phật như “Tứ diệu đế”, “Thập nhị nhân duyên” cuộc đời là biển “khổ”.

Trong tín ngưỡng Phật giáo của nhân dân xứ Nghệ trước đây, cũng có người ăn chay, giữ giới, tụng kinh, phóng sinh và chẩn tế, nhưng đó là những người muốn tu nhân tích đức, diệt dục đem lại sự cân bằng cho bản thân và gia đình. Có những người làm quan hoặc nhà giàu có, bỏ tiền của để dựng chùa, tu sửa chùa, tạc tượng đúc chuông cho chùa... theo chúng tôi tìm hiểu, có lẽ họ thấm nhuần thuyết nhân quả, cho rằng trong quá trình làm quan hay làm giàu, thế nào cũng có điều thất đức, nên mới làm điều công đức, coi đó là sự ăn năn chuộc lại những lỗi lầm của mình để hi vọng rằng sẽ tránh quả báo và để phúc cho đời sau. Đức Phật A Di Đà, Thích Ca, Di Lặc, Quan Âm... chiếm một vị trí quan trọng trong đức tin của người dân quê Việt Nam cũng như người dân quê xứ Nghệ. Các nhân vật ấy đều là hình ảnh của một lòng tha thứ mệnh mông, một sự nhẫn nhục vô bờ bến, một tình thương bao la ban phát cho chúng sinh. Những đức tính ấy thống nhất với đạo lí cổ truyền của nhân dân ta là hiếu thuận, thương người, chịu đựng, vị tha, thông cảm và tận tình giúp đỡ những người bất hạnh mà ta thường gặp trong văn học dân gian.

Theo đạo Phật nhưng họ không sùng bái quá mức các lễ nghi tốn kém mà “tu tại tâm” là chủ yếu. Chỉ ngày Phật sinh, ngày lễ Vu Lan (15 - 7 Âm lịch), ngày Thượng nguyên (15 - 1 Âm lịch) họ mới làm gạo nếp đồ xôi đóng oản cùng với nải chuối đem lên chùa cúng Phật. Cúng xong, gọi là lộc Tam bảo, ai có mặt đều có phần.

Ở xứ Nghệ trước đây, một số làng có “Hội Từ thiện” tập hợp những người thường xuyên phụng sự tại một ngôi chùa nào đó. Họ thường xuyên giúp nhau đi cúng chùa, tương trợ giúp đỡ nhau khi gia đình nào đó trong hội và cả ngoài hội gặp hoạn nạn. Họ cũng sẵn sàng đóng góp khi tu sửa chùa làng, hay khi chùa làng có cúng lễ Vu Lan, làm chay... và cả các làng khác trong vùng khi làm cầu, dựng chùa. Hội Từ thiện là một tập hợp tự nguyện, nhưng không nhiều. Họ chỉ đem lại điều tốt đẹp cho xã hội.

Tóm lại, bài viết này bước đầu giới thiệu vài nét về chùa xứ Nghệ, chưa bàn về Phật giáo hay lịch sử Phật giáo xứ Nghệ. Có lẽ Bùi Dương Lịch nói đúng: Người xứ Nghệ không tôn sùng đạo Phật lắm. Cho nên giờ đây ấn tượng về chùa chiền, về tu hành, về ăn chay giữ giới, về Đức Phật và các Thánh chúng, về các vị sư... không ăn sâu trong đầu óc họ, không để lại trong tâm khảm họ một ý niệm cụ thể về chùa chiền, về Phật giáo./.